

Số : 02/ TB-TS

Krông Năng; ngày 20 tháng 06 năm 2024

THÔNG BÁO TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 HỆ GDTX CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM HỌC 2024-2025.

*Căn cứ Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 03/5/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông;
Căn cứ vào Kế hoạch số: 67 / UBND, ngày 03 tháng 04 năm 2024 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông năm học 2024-2025;*

Căn cứ vào Công văn số: 968 / QĐ-SGDĐT, ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Lắk về việc tuyển sinh và tổ chức lớp học năm học 2024-2025 đối với hệ GDTX;

Trung tâm GDNN-GDTX Krông Năng, thông báo tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2024-2025, cụ thể như sau:

1. Chỉ tiêu tuyển sinh: Đang chờ UBND huyện Krông Năng giao chỉ tiêu, trong lúc nộp hồ sơ Trung tâm sẽ thông báo sau.

2. Đối tượng tuyển sinh:

Học sinh đã tốt nghiệp cấp THCS chương trình phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên trong độ tuổi quy định trên địa bàn huyện Krông Năng.

Hồ sơ dự tuyển vào lớp 10: hồ sơ gồm:

- + Học bạ của cấp THCS (Bản gốc), giấy khai sinh hợp lệ.
- + Bằng tốt nghiệp THCS hoặc (CNTT đối với học sinh công nhận tốt nghiệp THCS năm 2024)
- + Giấy chứng nhận hợp lệ hưởng chế độ ưu tiên, khuyến khích (Có công chứng).
- + Đơn xin dự tuyển, giấy Căn cước công dân (bản photo có công chứng), nộp kèm theo 03 ảnh (4x6) chụp trong vòng 6 tháng, không đeo khăn quàng.
- + Giấy xác nhận Không vi phạm pháp luật do uỷ ban nhân dân Xã, Thị trấn (đối với học sinh tốt nghiệp THCS những năm trước)

3. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển

3.1 Tuyển thẳng, chế độ ưu tiên:

- a. Chính sách tuyển thẳng
 - Học sinh trường phổ thông DTNT của huyện, đã tốt nghiệp THCS.
 - Học sinh là người dân tộc rất ít người (thực hiện theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ)
 - Học sinh khuyết tật (có giấy chứng nhận khuyết tật theo Điều 19 của Luật Người khuyết tật năm 2010).
 - Học sinh đoạt giải cấp quốc gia và quốc tế về văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, cuộc thi khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học.

b. Chế độ ưu tiên (Chỉ được hưởng chế độ cộng điểm ưu tiên cao nhất)

- Thực hiện việc cộng thêm điểm ưu tiên cho từng loại đối tượng quy định tại Khoản 2, Điều 7 của Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 03/5/2019 cụ thể như sau (**Phụ lục 1**):

- + Cộng **2,0** điểm cho Nhóm đối tượng 1;
- + Cộng **1,5** điểm cho Nhóm đối tượng 2;
- + Cộng **1,0** điểm cho Nhóm đối tượng 3.

-Đối với người học đang sinh sống, học tập ở các vùng (xã, thôn) có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thực hiện theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ (QĐ 861) và Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban dân tộc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 (QĐ 612) (**Phụ lục 2**).

3.2. Điểm tính theo kết quả rèn luyện và học tập mỗi năm học của học sinh THCS được tính như sau:

- Hạnh kiểm tốt, học lực giỏi: 10 điểm.
- Hạnh kiểm khá, học lực giỏi hoặc hạnh kiểm tốt, học lực khá: 9,0 điểm
- Hạnh kiểm khá, học lực khá: 8,0 điểm.
- Hạnh kiểm trung bình, học lực giỏi hoặc hạnh kiểm tốt, học lực trung bình: 7,0 điểm.
- Hạnh kiểm khá, học lực trung bình hoặc hạnh kiểm trung bình, học lực khá: 6,0 điểm.
- Các trường hợp còn lại: 5,0 điểm.

3.3 Công khai kết quả tuyển sinh theo nguyên tắc tính điểm sau đây:

a. Điểm xét tuyển là tổng điểm tính theo kết quả rèn luyện, học tập của 4 năm học ở THCS và điểm cộng thêm cho đối tượng ưu tiên.

b. Nguyên tắc xét tuyển: Ngoài diện ưu tiên tuyển thẳng, Trung tâm xét theo điểm xét tuyển từ cao xuống thấp để tuyển đủ chỉ tiêu. Trường hợp xét đến chỉ tiêu cuối cùng có nhiều thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau thì tiếp tục xét chọn thí sinh theo thứ tự ưu tiên sau: Có điểm trung bình các môn học cả năm ở lớp 9 cao hơn; có tổng điểm trung bình của môn Toán môn Ngữ văn và môn Ngoại ngữ cả năm ở lớp 9 cao hơn. Nếu vẫn còn trường hợp bằng điểm nhau thì Hội đồng tuyển sinh Trung tâm thảo luận để thống nhất quyết định.

4. Thời gian tuyển sinh:

+ Từ ngày 15 tháng 07 năm 2024 đến hết ngày 29 tháng 07 năm 2024.

+ Thời gian thông báo kết quả xét tuyển: ngày 05 tháng 08 năm 2024, thời gian phúc khảo kết quả xét tuyển từ ngày 06- 12/08/ 2024.

+ Thời gian thông báo kết quả trúng tuyển: ngày 15 tháng 08 năm 2024, làm thủ tục nhập học từ ngày 19- 22/08/ 2024

+ Nhận hồ sơ tuyển sinh từ ngày thứ 2 đến ngày thứ 6 hàng tuần vào giờ hành chính, mọi chi tiết xin liên hệ tại phòng Giáo vụ, Trung tâm GDNN-GDTX Krông Năng, gặp Thầy Niên tổ trưởng tổ Giáo vụ - số ĐT 0905229467; hoặc qua số ĐT: 05003674607 của Trung tâm.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT huyện Krông Năng; (để p/h),
- UBND các xã, thị trấn (để p/h),
- Các trường THCS trên địa bàn huyện (để p/h),
- Lưu GV, VT.



Nông Đức Nam



PHỤ LỤC 2:

Danh sách thôn, xã đặc biệt khó khăn (ĐBKk) thuộc huyện Krông Nang theo QĐ 861 của Thủ tướng Chính phủ và QĐ 612 của Ủy ban Dân tộc

1. Xã ĐBKk theo QĐ 861 của Thủ tướng Chính phủ

TT	Tên xã	Ghi chú
1	Xã Cư Klông	
2	Xã Ea Dăh	
3	Xã Ea Hồ	
4	Xã Ea Púk	

2. Thôn ĐBKk theo QĐ 612 của Ủy ban Dân tộc

TT	Tên xã, thôn	Ghi chú
I	Xã Cư Klông	Xã thuộc khu vực III
1	Thôn Tam Hợp	
2	Thôn Cư Klông	
3	Thôn Ea Ngah	
4	Thôn Ea Bìr	
II	Xã Dliêya	Xã thuộc khu vực II
5	Buôn Kmanh	
6	Buôn Yoh	
7	Buôn Yun	
8	Buôn Ea Dua	
9	Buôn Juk	
10	Thôn Tân Hiệp	
11	Thôn Ea Lê	
12	Buôn Tleh	
13	Buôn Dliêya A	
14	Thôn Ea Tu	
III	Xã Ea Dăh	Xã thuộc khu vực III
15	Thôn Giang Đông	
16	Thôn Giang Thanh	
17	Thôn Giang Thành	
18	Thôn Giang Xuân	
19	Thôn Giang Châu	
20	Thôn Xuân Lạng 1	
21	Thôn Xuân Thái	
22	Thôn Xuân Thanh	
23	Thôn Xuân Nguyên	
IV	Xã Ea Hồ	Xã thuộc khu vực III
24	Buôn Mngoan	
25	Buôn Alê	
26	Buôn Mrum	
27	Buôn Trang	
28	Buôn Sú	
29	Buôn Dun	
30	Buôn Năng	
31	Buôn Hồ A	
32	Buôn Hồ B	
33	Buôn Đê	
34	Buôn Wik	
35	Buôn Giêr	
V	Xã Ea Púk	Xã thuộc khu vực III
36	Thôn Giang Minh	
37	Thôn Giang Đại	
38	Thôn Giang Tiên	
VI	Xã Ea Tam	Xã thuộc khu vực I
39	Buôn Trấp	
VII	Xã Tam Giang	Xã Nông thôn mới
40	Thôn Giang Thọ	



PHỤ LỤC 1:

Quy định về các nhóm Đối tượng ưu tiên tuyển sinh theo Khoản 2, Điều 7 của Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 03/5/2019

1) Nhóm đối tượng 1 (Nhóm được cộng 2,0 điểm ưu tiên):

- Con liệt sĩ;
- Con thương binh mất sức lao động 81% trở lên;
- Con bệnh binh mất sức lao động 81% trở lên;
- Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên”.
- Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học;
- Con của người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945;
- Con của người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945;

2) Nhóm đối tượng 2 (Nhóm được cộng 1,5 điểm ưu tiên):

- Con của Anh hùng lực lượng vũ trang, con của Anh hùng lao động, con của Bà mẹ Việt Nam anh hùng;
- Con thương binh mất sức lao động dưới 81%;
- Con bệnh binh mất sức lao động dưới 81%;
- Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%”.

3) Nhóm đối tượng 3 (Nhóm được cộng 1,0 điểm ưu tiên):

- Người có cha hoặc mẹ là người dân tộc thiểu số;
- Người dân tộc thiểu số;
- Người học đang sinh sống, học tập ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.